

Số: 544/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường Công ty TNHH Everrich Toys ngày 27 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 96/TTr-STNMT ngày 27 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Everrich Toys, địa chỉ tại thôn Phục Lễ, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Everrich Toys tại thôn Phục Lễ, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên dự án: Everrich Toys

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Phục Lễ, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801428615 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/9/2024. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5441431456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 09/9/2024.

1.4. Mã số thuế: 0801428615.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ chơi các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích đất sử dụng: 15.931,7 m². Công ty TNHH Everrich Toys thuê lại nhà xưởng số 2, nhà xưởng số 3 và nhà văn phòng của Công ty TNHH MTV Minh Anh 585. Công ty TNHH Minh Anh 585 có quyền sở hữu hợp pháp đối với diện tích nhà xưởng cho thuê lại (Quyết định chủ trương đầu tư số 2074/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh cấp cho Dự án nhà máy sản xuất phụ kiện cho ngành sản xuất đồ chơi, đồ điện gia dụng và cho thuê nhà xưởng, Dự án có mục tiêu cho thuê nhà xưởng với diện tích cho thuê 15.931,7 m²; Dự án đã được UBND cấp giấy phép môi trường tại Giấy phép số 3404/GPMT-UBND ngày 24/12/2024).

- Công suất: Sản xuất đồ chơi các loại với công suất 18.000.000 sản phẩm/năm; thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa không trái quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ và lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Everrich Toys

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Everrich Toys có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường này đến hết ngày 14/7/2030.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Bình Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Everrich Toys;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân huyện Bình Giang;
- Trung tâm CNTT-Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 544/GPMT-UBND

ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV Minh Anh 585, không thải trực tiếp ra ngoài môi trường).

- Đã ký hợp đồng dịch vụ thu gom, xử lý nước thải với Công ty TNHH MTV Minh Anh 585 (đơn vị cho thuê nhà xưởng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ khu vệ sinh các nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà bảo vệ, được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường ống PVC D200, độ dốc 0,2%, dài 329,2 m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày đêm của Công ty TNHH MTV Minh Anh 585 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sơ bộ

- 03 bể tự hoại 03 ngăn tổng thể tích 45,6 m³, gồm:

+ 01 bể tự hoại tại nhà xưởng 2 (diện tích 8.480 m²) thể tích 19,2 m³.

+ 01 bể tự hoại tại nhà xưởng 3 (diện tích 5.640 m²) thể tích 14,4 m³.

+ 01 bể tự hoại tại khu vực nhà điều hành, thể tích 7,2 m³.

+ 01 bể tự hoại tại khu vực nhà bảo vệ, thể tích 4,8 m³.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh → Bể tự hoại (ngăn chứa → ngăn lên men → ngăn lắng → ngăn lọc) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày đêm của Công ty TNHH MTV Minh Anh 585.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước.
- Định kỳ thuê hút bùn bể tự hoại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH MTV Minh Anh 585; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH MTV Minh Anh 585 theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV Minh Anh 585.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 544/GPMT-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực sơn thủ công.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực sơn tự động.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ khu vực in.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: có 02 dòng khí thải.

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực sơn thủ công suất 22.000 m³/h.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng nguồn số 02, số 03): Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực sơn tự động, in công suất 22.000 m³/h.

2.2. Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰30', múi chiều 3⁰)

- Tọa độ dòng khí thải số 01: X(m) = 2311120; Y(m) = 570128.
- Tọa độ dòng khí thải số 02: X(m) = 2311121; Y(m) = 570175.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 44.000 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: 16h/24h.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT mức B với K_p = 0,9; K_v = 1,2) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	216	Không	Không
2	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	950		
3	Xylen	mg/Nm ³	870		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ khu vực sơn thủ công được thu gom vào ống dẫn khí về hệ thống xử lý khí thải. Khí sạch được thoát ra môi trường qua ống dẫn khí.

- Nguồn số 02, số 03: Khí thải từ khu vực sơn tự động, in được thu gom vào ống dẫn khí về hệ thống xử lý khí thải. Khí sạch được thoát ra môi trường qua ống dẫn khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Công trình xử lý khí thải khu vực sơn thủ công

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải khu vực sơn thủ công → Đường ống dẫn khí → Tháp phun xoay → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật:

+ Cửa hút khí: 104 chiếc; kích thước cửa hút: D370mm

+ Ống dẫn khí: kích thước D500 (mm), chiều dài 15,7 m.

+ Tháp phun xoay: 01 cái; Kích thước: 4.000 x 1.800 x 3.200mm.

+ Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính: 01 cái, chia làm 4 ngăn, kích thước mỗi ngăn: 775 x 1.400 x 1.850mm.

+ Quạt hút: 01 chiếc, lưu lượng 22.000 m³/h, công suất 37 kW.

+ Ống thoát khí: 01 cái, kích thước D700 (mm), cao 12m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 787 kg/năm.

1.2.2. Công trình xử lý khí thải khu vực sơn tự động, in

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải khu vực sơn tự động, in → Đường ống dẫn khí → Tháp phun xoay → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật:

+ Cửa hút khí: 72 chiếc; kích thước cửa hút: D200mm.

- + Ống dẫn khí: kích thước D500 (mm), chiều dài 15,8 m.
- + Tháp phun xoay: 01 cái; Kích thước: 4.000 x 1.800 x 3.200mm.
- + Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính: 01 cái, Chia làm 4 ngăn, kích thước mỗi ngăn: 775 x 1.400 x 1.850mm.
- + Quạt hút: 01 chiếc, lưu lượng 22.000 m³/h, công suất 37 kW.
- + Ống thoát khí: 01 cái, kích thước D700 (mm), cao 12m.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 787 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:
 - + Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải và vận hành hệ thống theo quy trình đã xây dựng.
 - + Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.
 - + Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ hàng năm.
 - + Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, bơm, van vòi khóa, các thiết bị xử lý, quạt hút.
 - + Trang bị các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi bị hỏng.
- Biện pháp khắc phục sự cố:
 - + Công nhân vận hành hệ thống ngắt cầu dao để các thiết bị sử dụng điện như máy bơm, quạt hút dừng hoạt động.
 - + Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.
 - + Thay thế các chi tiết, phụ tùng bị hỏng hóc (trường hợp hỏng hóc nhẹ).
 - + Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố (trường hợp hỏng hóc nặng).
 - + Xác định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01 tháng 06 năm 2025 đến 30 tháng 11 năm 2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn thủ công công suất 22.000 m³/h.

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn tự động, in công suất 22.000 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm
1	Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn thủ công công suất 22.000 m ³ /h.	01
2	Khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn tự động, in công suất 22.000 m ³ /h	01

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:*
Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải của dự án.

3.3. Công ty TNHH Everrich Toys chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 544/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đúc ép.
- Nguồn số 02: Khu vực nghiền.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn thủ công.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn tự động, in.
- Nguồn số 05: Khu vực may (xưởng B).
- Nguồn số 06: Khu vực máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	Nguồn	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
1	Nguồn số 01	2311065	570185
2	Nguồn số 02	2311075	570274
3	Nguồn số 03	2311160	570051
4	Nguồn số 04	2311113	570189
5	Nguồn số 05	2311129	570192
6	Nguồn số 06	2311075	570130

(Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc trong dây chuyền sản xuất được bảo dưỡng đúng định kỳ, luôn luôn đảm bảo máy móc trong tình trạng hoạt động tốt.
- Nền nhà xưởng được gia cố chắc chắn, sử dụng các đệm lót bằng cao su.
- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng thông số của nhà sản xuất.
- Công nhân làm việc được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động...).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 544/GPMT-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

T T	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay... nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	125
2	Dầu thải (dầu máy, dầu bôi trơn):	Lỏng	17 02 03	120
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại (thùng đựng sơn, dung môi, mực in, dầu DO, dầu bôi trơn):	Rắn	18 01 03	70
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	Rắn	16 01 06	15
5	Chất thải là những linh kiện điện tử hỏng trong quá trình lắp ráp	Rắn	19 02 06	8
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	12 01 04	1574
8	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	Bùn	08 01 02	380
	Tổng			2.297

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giấy thải, bìa catton, túi nilon thải	1.900	18 01 05 18 01 06
2	Các chi tiết bằng kim loại, ốc, vít, kim khâu hỏng,	8	18 01 08

	chi tiết gỗ loại		09 01 02
3	Hộp mực và mực in thải từ khu vực văn phòng	15	08 02 06 08 02 08
4	Vải vụn, chỉ khâu.....	3.010	19 03 03
5	Bùn thải từ bể chứa nước tháp giải nhiệt	60	12 06 13
	Tổng	4.993	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 68,141 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 09 thùng chứa riêng đối với từng loại chất thải. Thùng chứa loại dung tích 100 lít, có nắp đậy, chất liệu nhựa HDPE được để tại kho chứa.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho chứa: 15 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, mái BTCT, nền bê tông, có cửa ra vào kiểm soát. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút; có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 220 lít đặt tại các điểm phát sinh rác thải trong nhà xưởng sản xuất. Chất thải được thu gom, tập kết về kho chứa chất thải rắn thông thường.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho chứa: 40 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, mái BTCT, nền bê tông, có cửa ra vào kiểm soát.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 5-20 lít/thùng tại các nhà xưởng, khu vực văn phòng, nhà ăn.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyên giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố tại kho chứa chất thải nguy hại và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 544/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.